

PHỤ LỤC

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	CẤP TỈNH							
1	1.004232	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000m ³ /ngày đêm	- Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu: 30 ngày làm việc, trong đó: + Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. + Thời hạn thẩm định đề án: Trong thời hạn 29 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án. - Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa đề hoàn	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (Một phần)	- Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: + Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m³/ngày đêm: 1.400.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 4.300.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 5.900.000 đồng. - Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m³/ngày đêm đến dưới 5.000 m³/ngày đêm: 8.700.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026):	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.	- Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Ủy quyền Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết theo Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			thiện hồ sơ: <i>Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.</i>			+ Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m ³ /ngày đêm: 700.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm: 2.150.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm: 2.950.000 đồng. - Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 5.000 m ³ /ngày đêm: 4.350.000 đồng.		Chủ tịch UBND tỉnh.
2	1.004228	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	- Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu: 30 ngày làm việc, trong đó: + Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. + Thời hạn thẩm định đề án: Trong thời hạn 23 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án. - Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tiếp tại Công Dịch vụ công quốc gia (Một phần)	- Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: + Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m ³ /ngày đêm: 700.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm: 2.150.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm: 2.950.000 đồng. - Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 5.000 m ³ /ngày đêm: 4.350.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026):	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.	- Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Ủy quyền Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết TTHC theo Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			thiện hồ sơ: <i>Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.</i>			+ Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m ³ /ngày đêm: 350.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm: 1.075.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm: 1.475.000 đồng. - Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 5.000 m ³ /ngày đêm: 2.175.000 đồng.		Chủ tịch UBND tỉnh.
3	1.004223	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000m ³ /ngày đêm	- Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu: 30 ngày làm việc, trong đó: + Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. + Thời hạn thẩm định đề án: Trong thời hạn 29 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án. - Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa đề hoàn thiện hồ sơ: <i>Thời gian</i>	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tiếp tại Công Dịch vụ công quốc gia (Một phần)	- Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	(1) Trường hợp thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất - Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: + Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m ³ /ngày đêm: 1.400.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm: 4.700.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm: 5.900.000 đồng. - Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 5.000 m ³ /ngày đêm: 8.700.000 đồng.	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.	- Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Ủy quyền Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết TTHC theo Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<i>thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.</i>			- Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): + Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m³/ngày đêm: 700.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 2.350.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 2.950.000 đồng. - Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m³/ngày đêm đến dưới 5.000 m³/ngày đêm: 4.350.000 đồng. (2) Trường hợp thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất - Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: + Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m³/ngày đêm: 1.400.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 4.300.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 5.900.000 đồng.		Chủ tịch UBND tỉnh.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						- Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m³/ngày đêm đến dưới 5.000 m³/ngày đêm: 8.700.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): + Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m³/ngày đêm: 700.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 2.150.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 2.950.000 đồng. - Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m³/ngày đêm đến dưới 5.000 m³/ngày đêm: 4.350.000 đồng.		
4	1.004211	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	- Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu: 24 ngày làm việc, trong đó: + Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. + Thời hạn thẩm định đề án: Trong thời hạn 23 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tiếp tại Công Dịch vụ công quốc gia (Một phần)	- Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: + Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m³/ngày đêm: 700.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 2.150.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 2.950.000 đồng.	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP	- Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Ủy quyền Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<i>trách nhiệm thẩm định đề án.</i> - Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa đề hoàn thiện hồ sơ: <i>Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.</i>			- Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 5.000 m ³ /ngày đêm: 4.350.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): + Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m ³ /ngày đêm: 350.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm: 1.075.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm: 1.475.000 đồng. - Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 5.000 m ³ /ngày đêm: 2.175.000 đồng.	ngày 17/01/2026 của Chính phủ.	TTHC theo Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.
5	1.004179	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 2	- Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu: <i>30 ngày làm việc, trong đó:</i> + <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</i> + <i>Thời hạn thẩm định đề án: Trong thời hạn 29 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có</i>	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tiếp tại Công Dịch vụ công quốc gia (Một phần)	- Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	(1) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác dưới 0,5 m ³ /giây và có dung tích toàn bộ dưới 500.000 m ³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác dưới 2 m ³ /giây; hồ chứa, đập dâng thủy lợi không thuộc các trường hợp nêu trên có dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ ; công trình	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP	- Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Ủy quyền Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		Nghị định số 23/2026/NĐ-CP)	<i>trách nhiệm thẩm định đề án.</i> - Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ: <i>Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.</i>			khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác dưới 2 m ³ /giây; các mục đích khác với lưu lượng dưới 10.000 m ³ /ngày đêm. - Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 1.800.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 900.000 đồng. (2) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch dưới 60 m. Đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước dưới 50m. - Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 4.700.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 2.350.000 đồng.	ngày 17/01/2026 của Chính phủ.	TTHC theo Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						(3) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 0,5 m³/giây đến dưới 1 m³/giây và có dung tích toàn bộ từ 500.000 m³ đến dưới 2 triệu m³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m³/giây đến dưới 3 m³/giây; hồ chứa, đập dâng thủy lợi không thuộc các trường hợp nêu trên có dung tích toàn bộ từ 3 triệu m³ đến dưới 10 triệu m³; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m³/giây đến dưới 3 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 1.000 kW; các mục đích khác với lưu lượng từ 10.000 m³/ngày đêm đến dưới 30.000 m³/ngày đêm. - Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 4.700.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 2.350.000 đồng.		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						(4) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 1 m³/giây đến dưới 2 m³/giây và có dung tích toàn bộ từ 2 triệu m³ đến dưới 3 triệu m³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 3 m³/giây đến dưới 5 m³/giây; hồ chứa, đập dâng thủy lợi không thuộc các trường hợp nêu trên có dung tích toàn bộ từ 10 triệu m³ đến dưới 20 triệu m³; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 3 m³/giây đến dưới 5 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy từ 1.000 kW đến dưới 2.000 kW; các mục đích khác với lưu lượng từ 30.000 m³/ngày đêm đến dưới 50.000 m³/ngày đêm. - Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 8.000.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 4.000.000 đồng.		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						(5) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch từ 60 m đến dưới 100 m. Đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước từ 50 m đến dưới 100 m. - Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 11.000.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 5.500.000 đồng. <i>* Đối với trường hợp quy mô công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch từ 100 m đến dưới 200 m. Đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn</i>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<i>mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước từ 100 m đến dưới 200 m: Quy mô phát sinh theo quy định mới của Nghị định sửa đổi, bổ sung các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước, hiện chưa được quy định mức thu phí cụ thể trong Nghị quyết của HĐND tỉnh. Việc thu phí thẩm định được thực hiện theo quy định chuyển tiếp; trường hợp phát sinh hồ sơ trong thời gian chưa kịp ban hành hoặc điều chỉnh Nghị quyết, mức thu cụ thể được xác định và áp dụng theo mức thu tương ứng của nhóm công trình có quy mô, tính chất gần nhất theo Nghị quyết hiện hành của HĐND tỉnh và được ghi nhận trong quyết định giải quyết thủ tục hành chính, cho đến khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung mức thu phí phù hợp.</i> (6) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m³/giây đến dưới 5 m³/giây và có dung tích toàn bộ từ 3 triệu m³ đến dưới 5 triệu m³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 5 m³/giây đến dưới 10 m³/giây; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác nước từ 5 m³/giây đến dưới 10 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy từ 2.000 kW đến dưới 5.000 kW. - Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 11.000.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 5.500.000 đồng. <i>* Đối với trường hợp quy mô công trình khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ 5.000 kW đến dưới 30.000 kw: Quy mô phát sinh theo quy định mới của Nghị định sửa đổi, bổ sung các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước, hiện chưa được quy định mức thu phí cụ thể trong Nghị quyết của HĐND tỉnh. Việc thu phí thẩm định được thực hiện theo quy định chuyển tiếp; trường hợp phát sinh hồ sơ trong thời gian chưa kịp ban hành hoặc điều chỉnh Nghị quyết, mức thu cụ thể được xác định và áp dụng theo mức thu</i>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<i>tương ứng của nhóm công trình có quy mô, tính chất gần nhất theo Nghị quyết hiện hành của HĐND tỉnh và được ghi nhận trong quyết định giải quyết thủ tục hành chính, cho đến khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung mức thu phí phù hợp.</i>		
6	1.004167	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	- Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu: 24 ngày làm việc, trong đó: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định đề án: Trong thời hạn 23 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án. - Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa đề hoàn thiện hồ sơ: Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (Một phần)	- Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	(1) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác dưới 0,5 m³/giây và có dung tích toàn bộ dưới 500.000 m³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác dưới 2 m³/giây; hồ chứa, đập dâng thủy lợi không thuộc các trường hợp nêu trên có dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác dưới 2 m³/giây; các mục đích khác với lưu lượng dưới 10.000 m³/ngày đêm. - Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 900.000 đồng.	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.	- Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Ủy quyền Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết TTHC theo Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						- Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 450.000 đồng. (2) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch dưới 60 m. Đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước dưới 50m. - Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 2.350.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 1.175.000 đồng. (3) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 0,5 m³/giây đến dưới 1 m³/giây và có dung tích toàn bộ từ 500.000 m³ đến dưới 2 triệu m³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m³/giờ đến dưới 3 m³/giờ; hồ chứa, đập dâng thủy lợi không thuộc các trường hợp nêu trên có dung tích toàn bộ từ 3 triệu m³ đến dưới 10 triệu m³; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m³/giờ đến dưới 3 m³/giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 1.000 kW; các mục đích khác với lưu lượng từ 10.000 m³/ngày đêm đến dưới 30.000 m³/ngày đêm. - Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 2.350.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 1.175.000 đồng. (4) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 1 m³/giờ đến dưới 2 m³/giờ và có dung tích toàn bộ từ 2 triệu m³ đến dưới 3 triệu m³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						có quy mô khai thác từ 3 m³/giờ đến dưới 5 m³/giờ; hồ chứa, đập dâng thủy lợi không thuộc các trường hợp nêu trên có dung tích toàn bộ từ 10 triệu m³ đến dưới 20 triệu m³; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 3 m³/giờ đến dưới 5 m³/giờ; phát điện với công suất lắp máy từ 1.000 kW đến dưới 2.000 kW; các mục đích khác với lưu lượng từ 30.000 m³/ngày đêm đến dưới 50.000 m³/ngày đêm. - Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 4.000.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 2.000.000 đồng. (5) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch từ 60 m đến dưới 100 m. Đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước từ 50 m đến dưới 100 m. - Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 5.500.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 2.750.000 đồng. <i>* Đối với trường hợp quy mô công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch từ 100 m đến dưới 200 m. Đối với cống ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước từ 100 m đến dưới 200 m: Quy mô phát sinh theo quy định mới của Nghị định sửa đổi, bổ sung các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước, hiện chưa được quy định mức thu phí cụ thể trong Nghị quyết của HĐND tỉnh. Việc thu phí thẩm định được thực hiện theo quy định chuyển tiếp; trường hợp phát sinh hồ sơ trong thời gian</i>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<i>chưa kịp ban hành hoặc điều chỉnh Nghị quyết, mức thu cụ thể được xác định và áp dụng theo mức thu tương ứng của nhóm công trình có quy mô, tính chất gần nhất theo Nghị quyết hiện hành của HĐND tỉnh và được ghi nhận trong quyết định giải quyết thủ tục hành chính, cho đến khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung mức thu phí phù hợp.</i> (6) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m³/giây đến dưới 5 m³/giây và có dung tích toàn bộ từ 3 triệu m³ đến dưới 5 triệu m³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 5 m³/giây đến dưới 10 m³/giây; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác nước từ 5 m³/giây đến dưới 10 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy từ 2.000 kW đến dưới 5.000 kW.		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 5.500.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 2.750.000 đồng. * Đối với trường hợp quy mô công trình khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ 5.000 kW đến dưới 30.000 kW: Quy mô phát sinh theo quy định mới của Nghị định sửa đổi, bổ sung các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước, hiện chưa được quy định mức thu phí cụ thể trong Nghị quyết của HĐND tỉnh. Việc thu phí thẩm định được thực hiện theo quy định chuyển tiếp; trường hợp phát sinh hồ sơ trong thời gian chưa kịp ban hành hoặc điều chỉnh Nghị quyết, mức thu cụ thể được xác định và áp dụng theo mức thu tương ứng của nhóm công trình có quy mô, tính chất gần nhất theo Nghị quyết hiện hành của HĐND tỉnh và được ghi nhận trong quyết định giải quyết thủ tục hành chính, cho đến khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung mức thu phí phù hợp.		
7	1.000824	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất,	11 ngày làm việc, trong đó:	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ	- Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết	(1) Trường hợp cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất	- Luật Tài nguyên nước năm 2023;	- Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		giấy phép khai thác tài nguyên nước	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.	bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (Một phần)	định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: + Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m³/ngày đêm: 420.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 1.290.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 1.770.000 đồng. - Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m³/ngày đêm đến dưới 5.000 m³/ngày đêm: 2.610.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): + Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m³/ngày đêm: 210.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 645.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 885.000 đồng. - Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m³/ngày đêm đến dưới 5.000 m³/ngày đêm: 1.305.000 đồng. (2) Trường hợp cấp lại giấy phép khai thác nước dưới đất	- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.	Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Ủy quyền Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết TTHC theo Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: + Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m³/ngày đêm: 420.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 1.290.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 1.770.000 đồng. - Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m³/ngày đêm đến dưới 5.000 m³/ngày đêm: 2.610.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): + Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m³/ngày đêm: 210.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 645.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 885.000 đồng. - Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m³/ngày đêm đến dưới 5.000 m³/ngày đêm: 1.305.000 đồng. (3) Trường hợp cấp lại giấy phép khai thác nước mặt		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						a) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác dưới 0,5 m³/giây và có dung tích toàn bộ dưới 500.000 m³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác dưới 2 m³/giây; hồ chứa, đập dâng thủy lợi không thuộc các trường hợp nêu trên có dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác dưới 2 m³/giây; các mục đích khác với lưu lượng dưới 10.000 m³/ngày đêm. - Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 540.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 270.000 đồng. b) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						dài hạn mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch dưới 60 m. Đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước dưới 50m. - Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 1.410.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 705.000 đồng. (3) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 0,5 m³/giây đến dưới 1 m³/giây và có dung tích toàn bộ từ 500.000 m³ đến dưới 2 triệu m³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m³/giây đến dưới 3 m³/giây; hồ chứa, đập dâng thủy lợi không thuộc các trường hợp nêu trên có dung tích toàn bộ từ 3 triệu m³ đến dưới 10 triệu m³; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						có quy mô khai thác từ 2 m³/giây đến dưới 3 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 1.000 kW; các mục đích khác với lưu lượng từ 10.000 m³/ngày đêm đến dưới 30.000 m³/ngày đêm. - Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 1.410.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 705.000 đồng. (4) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 1 m³/giây đến dưới 2 m³/giây và có dung tích toàn bộ từ 2 triệu m³ đến dưới 3 triệu m³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 3 m³/giây đến dưới 5 m³/giây; hồ chứa, đập dâng thủy lợi không thuộc các trường hợp nêu trên có dung tích toàn bộ từ 10 triệu m³ đến dưới 20 triệu m³; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 3 m³/giây đến dưới		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						5 m³/giờ; phát điện với công suất lắp máy từ 1.000 kW đến dưới 2.000 kW; các mục đích khác với lưu lượng từ 30.000 m³/ngày đêm đến dưới 50.000 m³/ngày đêm. - Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 2.400.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 1.200.000 đồng. (5) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch từ 60 m đến dưới 100 m. Đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước từ 50 m đến dưới 100 m. - Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 3.300.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 1.650.000 đồng.		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<i>* Đối với trường hợp quy mô công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch từ 100 m đến dưới 200 m. Đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước từ 100 m đến dưới 200 m: Việc thu phí sẽ được quy định chuyển tiếp trong Nghị quyết ban hành mức thu phí, lệ phí và trong giấy phép tài nguyên nước.</i> (6) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m³/giây đến dưới 5 m³/giây và có dung tích toàn bộ từ 3 triệu m³ đến dưới 5 triệu m³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 5 m³/giây đến dưới 10 m³/giây; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa,		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác nước từ 5 m³/giờ đến dưới 10 m³/giờ; phát điện với công suất lắp máy từ 2.000 kW đến dưới 5.000 kW. - Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 3.300.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 1.650.000 đồng. * Đối với trường hợp quy mô công trình khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ 5.000 kW đến dưới 30.000 kW: Việc thu phí sẽ được quy định chuyển tiếp trong Nghị quyết ban hành mức thu phí, lệ phí và trong giấy phép tài nguyên nước.		
8	1.011518	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	- Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu: 11 ngày làm việc, trong đó: + Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. + Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (toàn trình)	- Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ;	- Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Ủy quyền Sở Nông nghiệp

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<i>hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.</i> - Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ: <i>Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 6 ngày làm việc.</i>				- Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.	và Môi trường giải quyết theo Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.
9	1.012500	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	- Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu: <i>11 ngày làm việc, trong đó:</i> + <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</i> + <i>Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.</i> - Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ: <i>Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 6 ngày làm việc.</i>	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (toàn trình)	- Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.	- Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Ủy quyền Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết theo Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
10	1.004122	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	- Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu: 13 ngày làm việc, trong đó: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân và thẩm định hồ sơ, cấp giấy phép. - Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ: Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 5 ngày làm việc.	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (Một phần)	- Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	(1) Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô nhỏ - Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 1.400.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 700.000 đồng. (2) Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và lớn - Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 4.200.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 2.100.000 đồng.	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
11	2.001738	Gia hạn giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	- Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu: 07 ngày làm việc, trong đó: + Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy	- Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	(1) Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô nhỏ - Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 700.000 đồng.	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 248/QĐ-

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. + Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân và và thẩm định hồ sơ gia hạn giấy phép cho tổ chức, cá nhân. - Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ: Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 03 ngày làm việc.	quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia (Một phần)	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 350.000 đồng. (2) Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và lớn - Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 2.100.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 1.050.000 đồng.	lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.	BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
12	1.004253	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	06 ngày làm việc, trong đó: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Công Dịch vụ công	- Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025;	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, cấp lại giấy phép.	quốc gia (toàn trình)			- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.	
13	1.012501	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	06 ngày làm việc, trong đó: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quyết định chấp thuận trả lại giấy phép.	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (toàn trình)	- Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
14	2.001770	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên	- 30 ngày làm việc (trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị cấp giấy	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ	- Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023;	- Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		nước đối với công trình đã vận hành	<i>phép khai thác tài nguyên nước).</i> - 24 ngày làm việc (trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước).	bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (toàn trình)	định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.		- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.	Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Ủy quyền Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết TTHC theo Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.
15	1.004283	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	- 24 ngày làm việc (trường hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ược sửa đổi, bổ sung bởi khoản 33 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP). - 11 ngày làm việc (trường hợp theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h, I và k khoản 1 Điều 52 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP được	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (toàn trình)	- Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ;	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<i>sửa đổi, bổ sung bởi khoản 33 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP).</i>				- Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.	
16	1.012503	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	12 ngày làm việc, trong đó: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 11 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến bằng văn bản về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất gửi tổ chức, cá nhân.	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (toàn trình)	- Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Thông tư số 06/2026/TT-BNNMT ngày 17/01/2026;	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
17	1.012504	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	12 ngày làm việc, trong đó: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 11 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến bằng văn bản về báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất gửi tổ chức, cá nhân.	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (toàn trình)	- Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Thông tư số 06/2026/TT-BNNMT ngày 17/01/2026	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
18	2.001850	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện	29 ngày làm việc, trong đó: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 28	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công	- Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<i>ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án cấm móc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện.</i>	quốc gia (toàn trình)			ngày 17/01/2026 của Chính phủ.	
19	1.013799	Lấy ý kiến về tác động của công trình khai thác nước	26 ngày làm việc, trong đó: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp, đối thoại trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng đề nghị tổ chức, cá nhân đầu tư dự án cung cấp bổ sung	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (Một phần)	- Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<i>các số liệu, báo cáo, thông tin về dự án (nếu có).</i> <i>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp các ý kiến và có văn bản gửi cho tổ chức, cá nhân đầu tư dự án.</i>					
II.	CẤP XÃ							
1	1.001662	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	07 ngày làm việc: - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Phòng chuyên môn về lĩnh vực nông nghiệp và môi trường tổ chức kiểm tra nội dung tờ khai, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận	Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (toàn trình)	- Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng chuyên môn về lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

PHẦN II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
A CẤP TỈNH									
1	1.012502	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	Đăng ký khai thác nước mặt, nước biển, đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	- 07 ngày làm việc, trong đó: + Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Bộ phận một cửa có trách nhiệm tiếp nhận tờ khai và chuyển tờ khai cho Sở Nông nghiệp và Môi trường. + Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra thông tin, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận. - 20 ngày làm việc đối với trường hợp công trình khai thác nước	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	- Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ. - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.	- Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Ủy quyền Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết TTHC theo Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 18/8/2025
2	1.011516	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển (2.002835)						

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
				là hồ chứa, đập dâng, trong đó: + Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Bộ phận một cửa có trách nhiệm tiếp nhận tờ khai và chuyển tờ khai cho Sở Nông nghiệp và Môi trường. + Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra nội dung tờ khai, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận.						của Chủ tịch UBND tỉnh.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
3	1.012505	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành hoặc đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước	11 ngày làm việc, trong đó: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (toàn trình)	- Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ. - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.	- Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Ủy quyền Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết TTHC theo Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.
4	1.009669	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền (1.014716)	- Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ: Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 10 ngày làm việc.					